

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 5 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Huy Lương

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2020/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐXXPT – HN&GD ngày 02 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi lịch xét xử ngày 30 tháng 3 năm 2020; thông báo mở lại phiên tòa ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã VP, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Điền Văn T, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Thôn x, xã PS, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

3. Do có kháng cáo của: Anh Điền Văn T, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai ngày 12/9/2019 chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Điền Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại UBND xã PS. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại Thôn x, xã PS, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình, thời gian anh chị sống hạnh

phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng chị không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ tháng 3 năm 2019 mặc dù anh chị sống cùng nhà nhưng anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Tháng 6 năm 2019 do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại sinh sống cho đến nay, từ khi ly thân anh chị không quan hệ tình cảm vợ chồng, không có trách nhiệm với nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Điền Thị Anh T, sinh ngày 19/6/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị N, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con chung. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T bị bệnh nặng, không có khả năng lao động nên không có điều kiện để cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; công nợ chung; ruộng đất canh tác: chị N xác định chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm đề ngày 9 tháng 11 năm 2019 và đơn đề nghị ngày 26 tháng 11 năm 2019 anh Điền Văn T trình bày: sau khi kết hôn với chị N vợ chồng anh vẫn sống hạnh phúc với nhau không có vấn đề gì xảy ra, do anh mắc bệnh hiểm nghèo suy thận mãn tính, gia đình quá khó khăn không có tiền để chạy thận nên anh phải thường xuyên nằm viện để điều trị và chạy thận nhân tạo. Nay chị N nài ra các lý do để ly hôn anh, anh không muốn ly hôn và mong muốn đoàn tụ để vợ chồng chung sống với nhau cũng như để vợ chồng giúp đỡ nhau khi anh bị bệnh hiểm nghèo. Anh đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị N.

Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 10 năm 2019 Ủy ban nhân dân xã PS, huyện NQ cung cấp như sau: Chị N và anh T đăng kết hôn tại UBND xã PS vào tháng 8 năm 2017. Sau khi kết hôn anh chị N Thanh thường xuyên cãi nhau, tháng 6 năm 2019 bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Điền Thị Anh T, sinh ngày 19/6/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị N. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung của hai bên để giao con chung cho bên nào có điều kiện tốt hơn, đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về tài sản chung: Anh T chị N chưa có nhà, đất, các tài sản khác địa phương không biết; Về công nợ chung: Anh T chị N không nợ nhà nước, nợ cá nhân địa phương không biết; Anh chị không có ruộng đất canh tác.

Tại Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Điền Văn Thanh.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Điền Thị Anh Th; sinh ngày 19/6/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 anh Điền Văn T có đơn kháng cáo đề ngày 29 tháng 12 năm 2019 với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án, bác đơn xin ly hôn của chị N vì lý do chị N xin ly hôn anh là do anh bị bệnh hiểm nghèo, không có khả năng làm ra tiền, không gánh vác được công việc chính trong gia đình. chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cũng là do chị N tự ý tính toán sắp đặt để lấy lý do ly hôn chứ không phải do anh và bố mẹ anh chửi, đuổi chị N đi.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 anh T có đơn xin xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét yêu cầu kháng cáo của anh, xử bác đơn xin ly hôn của chị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày chị và anh T mâu thuẫn đã lâu, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan để chị ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Điền Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 75/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

Án phí DSPT: Anh T phải nộp 300.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Anh Điền Văn T là bị đơn nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. anh T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của anh Điền Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Chị Nguyễn Thị N và anh Điền Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Sơn ngày 25 tháng 8 năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị N cho rằng thời gian anh chị sống hạnh phúc được khoảng một, hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Từ tháng 3 năm 2019 mặc dù anh chị sống cùng nhà nhưng anh chị đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Tháng 6 năm 2019 do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại thôn TĐ, xã VP, huyện NQ sinh sống cho đến nay. Từ khi ly thân anh chị không quan hệ tình cảm vợ chồng, không có trách nhiệm, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng anh chị vẫn sống hạnh phúc, không có vấn đề gì xảy ra. Lý do duy nhất chị N xin ly hôn anh là vì anh bị bệnh hiểm nghèo, không có khả năng lao động, gánh vác trách nhiệm gia đình. Xét thấy chị N và anh T sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2019 đến nay, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở, từ đó đến nay anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng như anh mong muốn. Anh T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của chị N để chị N suy nghĩ lại quay về sống tiếp với anh, để con anh được sống cạnh bố mẹ cũng như để anh có thêm chỗ dựa. Tuy vậy, anh T không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng mà anh cho rằng anh không có lỗi gì, và vợ chồng cũng không có vấn đề gì phải ra tòa ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị N và anh T đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 luật hôn nhân và gia đình để xử ly hôn giữa chị N và anh T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu: Điền Thị Anh Th, sinh ngày 19/6/2018, hiện nay cháu đang ở với chị N. Xét thấy chị N có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt về mọi mặt cho cháu Th. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cháu Th chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao cháu Th cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Th đủ 18 tuổi là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền cho con: Do anh T bị bệnh, phải nằm viện điều trị thường xuyên, sức khỏe yếu, không có khả năng lao động, điều kiện kinh tế khó khăn. Việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn

toàn tự nguyện. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N là phù hợp.

Từ các căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Điền Văn T. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 75/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Điền Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 75/2019/ HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Điền Văn T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Điền Thị Anh Th, sinh ngày 19/6/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu số: 0000 278 ngày 12/9/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Điền Văn T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan theo biên lai thu số: AA/2018/0000418 ngày 10 tháng 01 năm 2020.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05 tháng 5 năm 2020.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện Nho Quan;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan;
- Các đương sự;
- Phòng KTNVTHA;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Tuyết